



# Một số kết quả công tác kiểm soát tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

LÊ ĐẠI THẮNG, PHẠM HỮU HIẾU

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam

## 1. MỞ ĐẦU

Biển Việt Nam có tài nguyên vị thế đa dạng, phong phú và có sự khác biệt giữa các vùng biển, bao gồm tài nguyên địa tự nhiên; tài nguyên địa kinh tế; tài nguyên địa chính trị, đóng vai trò quan trọng, mà chủ thể chính là không gian biển, mặt nước, khối nước và đáy biển, luồng lạch, vũng vịnh, bến bãi, đất đai ven biển, bán đảo và hải đảo, bãi cát biển, thêm đá, vách đá, hang động. Sự kết hợp giữa các dạng tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên vị thế của các vùng biển, hải đảo góp phần to lớn trong phát triển các ngành kinh tế biển của Việt Nam.

Để thể chế hóa các hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của Việt Nam, ngày 25/6/2015, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Theo đó, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực này được quy định như sau: Nhà nước bảo đảm tài nguyên biển và hải đảo được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đồng thời, tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường (ÔNMT) biển và hải đảo; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong việc kiểm soát ô nhiễm, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường biển và hải đảo, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; quản lý chặt chẽ hoạt động nhận chìm ở biển. Vấn đề kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo cũng ược quy định cụ thể tại Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đi cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế biển, dự án phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động trên biển ngày càng nhiều hơn, kéo theo sức ép, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tài nguyên, môi trường cũng như các hệ sinh thái biển, ven biển. Ngoài ra, quá trình triển khai quy định của pháp luật về kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo đã bộc lộ một số vấn đề bất cập, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ TN&MT biển, hải đảo tại các địa phương có biển của Việt Nam.

Trên cơ sở rà soát kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Biển và Hải đảo Việt

Nam được Bộ trưởng Bộ TN&MT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định tại Quyết định số 2988/QĐ-BTNMT ngày 4/11/2022), bài báo tổng hợp những kết quả nổi bật trong quá trình đơn vị thực hiện nhiệm vụ về kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo trên phạm vi cả nước.

## 2. MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

### 2.1. Công tác đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo từng năm

Khoản 3, Điều 50, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 quy định “Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ÔNMT biển và hải đảo”. Thực hiện quy định nêu trên, ngày 29/9/2016, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT quy định chi tiết bộ chỉ số và đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ÔNMT biển và hải đảo. Theo đó, Bộ TN&MT đã quy định các nội dung về tiêu chí, chỉ số, bộ chỉ số phục vụ việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ÔNMT biển và hải đảo.

Kể từ khi Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT có hiệu lực vào ngày 15/11/2016, Bộ TN&MT đã ban hành nhiều văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển; các Bộ, cơ quan ngang Bộ biết và thực hiện, phục vụ đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ÔNMT biển và hải đảo. Đồng thời, từ năm 2017 - 2021, Bộ TN&MT đã tiến hành đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ÔNMT biển, hải đảo theo quy định và trong 5 năm đều đạt kết quả tốt.

### 2.2. Hoạt động điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải vùng bờ

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 44, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đã ban hành Quyết định số 396/QĐ-TCBHĐVN ngày 27/11/2020 phê duyệt nội dung, dự toán Dự án “Xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch quản lý chất thải; kiểm soát các nguồn ÔNMT từ đất liền và các hoạt động trên biển”. Thực hiện quyết định nêu trên, Cục Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo (nay là Phòng Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo) đã phối hợp cùng Trung tâm



*Khu công nghiệp Cái Mép, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức diễn tập xử lý sự cố tràn dầu trên biển*

Hải Văn, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam tiến hành rà soát chính sách, pháp luật về quản lý tổng hợp chất thải trên biển; hoàn thiện thể chế quản lý tổng hợp, thống nhất các nguồn gây ÔNMT biển từ đất liền, trên biển; xây dựng chương trình, kế hoạch quản lý chất thải; kiểm soát các nguồn ÔNMT từ đất liền và các hoạt động trên biển; phân tích, đánh giá chất lượng nước biển, trầm tích ven bờ khu vực xung quanh nguồn thải; lấy mẫu, đo nhanh tại hiện trường các nguồn thải từ đất liền ra biển, trên biển và tiến hành điều tra vùng ven biển miền Bắc, Bắc Trung bộ; lấy mẫu, đo nhanh tại hiện trường, điều tra, đánh giá, phân loại nguồn thải từ đất liền ra biển và trên biển tại 4 tỉnh miền Trung, Nam Trung bộ...

### **2.3. Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường biển quốc gia**

Điều 51, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định: “Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo bao gồm Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia; Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển; Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo theo chuyên đề. Nội dung báo cáo, kỳ lập báo cáo, thẩm quyền, trách nhiệm lập báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về BVMT” và tại khoản 1, Điều 137, Luật BVMT năm 2014: “Bộ TN&MT lập Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 5 năm một

lần; hàng năm lập báo cáo chuyên đề về môi trường quốc gia”.

Thực hiện quy định nêu trên, Phòng Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo đã tiến hành xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia (5 năm/lần); Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo theo chuyên đề được thực hiện hàng năm. Báo cáo hiện trạng môi trường biển quốc gia giai đoạn 5 năm 2016 - 2020 là báo cáo hiện trạng môi trường biển đầu tiên được Bộ TN&MT công bố. Báo cáo hiện trạng môi trường biển, hải đảo theo chuyên đề hàng năm được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá mức độ cấp thiết các vấn đề môi trường của từng khu vực biển, đồng thời nhằm mục tiêu phục vụ cho báo cáo tổng quan giai đoạn 5 năm được xây dựng vào các năm 2025, 2030, 2035...

### **2.4. Về triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại trên biển**

Ngày 23/11/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1862/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại trên biển giai đoạn 2018 - 2020. Quyết định nhằm mục đích đảm bảo đến năm 2020 hoàn thiện khung pháp lý, kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại trên biển. Yêu



cầu của Quyết định số 1862/QĐ-TTg nhằm bảo đảm triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả hoạt động giám sát, đánh giá rủi ro, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc hại trên biển khi có tình huống xảy ra.

Với trách nhiệm được giao theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định số 1862/QĐ-TTg, Bộ TN&MT đã gửi văn bản đến các Bộ, ngành liên quan (Công Thương, NN&PTNT, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) để nghị báo cáo quá trình thực hiện Quyết định. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, Bộ TN&MT đã có Báo cáo số 08/BTNMT-TCBHĐVN ngày 22/1/2020 gửi Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Quyết định 1862/QĐ-TTg. Trong đó kiến nghị gia hạn nhiệm vụ thuộc Quyết định số 1862/QĐ-TTg đến hết năm 2022 và dừng không thực hiện nhiệm vụ số 9, 21 (Văn bản số 2364/VPCP-NC ngày 26/3/2020 của Văn phòng Chính phủ). Theo Kế hoạch được ban hành kèm theo quyết định nêu trên, có tổng số 22 nhiệm vụ, trong đó: Bộ Công Thương chủ trì 5/22 nhiệm vụ; Bộ NN&PTNT chủ trì 2/22 nhiệm vụ; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam chủ trì 2/22 nhiệm vụ; Bộ TN&MT chủ trì 13/22 nhiệm vụ.

**2.5. Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp công tác thiết lập, quản lý hành lang bảo vệ bờ biển**

Thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 42, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, ngày 12/10/2016, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

Căn cứ quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (nay là Cục Biển và Hải đảo Việt Nam) đã tham mưu Bộ TN&MT ban hành các văn bản góp ý đối với quá trình xác định, phê duyệt Danh mục những khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và ranh giới, chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương có biển theo quy định.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Phòng Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo đã tổng hợp thông tin về tình hình triển khai việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại các địa phương có biển trên phạm vi cả nước, kết quả sơ bộ cho thấy, 27/28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển đã phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; 1 địa phương chưa phê duyệt là TP. Hồ Chí Minh. Trong số 27 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển đã phê duyệt Danh mục các khu vực phải

thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, có 24 tỉnh đã xác định, phê duyệt chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn; 3 tỉnh đang trong quá trình xác định, phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, gồm Thanh Hóa, Khánh Hòa, Kiên Giang. Trong số 24 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển đã phê duyệt chiều rộng, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, có 17 địa phương đã tiến hành và hoàn thiện việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển, đồng thời ban hành quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam cũng đã tham mưu Bộ TN&MT ban hành văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển để đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP và Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT. Đồng thời, việc thiết lập, quản lý hành lang bảo vệ bờ biển tại các địa phương được đề xuất đưa vào nội dung kiểm tra, thanh tra của Bộ TN&MT, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

**2.6. Đối với hoạt động nhận chìm ở biển**

Từ năm 2017 đến nay, Cục Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo (nay là Phòng Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo) đã tham mưu Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam (nay là Cục Biển và Hải đảo Việt Nam) trình Lãnh đạo Bộ TN&MT phê duyệt, cấp 36 Giấy phép nhận chìm ở biển, trong đó có 33 Giấy phép được cấp mới; 2 Giấy phép sửa đổi, bổ sung biển; 1 Giấy phép gia hạn.

Việc thẩm định, xem xét các hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển được thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

**2.7. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo**

Từ năm 2015 - 2023, Cục Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo (nay là Phòng Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo) đã tổ chức triển khai 37 cuộc kiểm tra; 3 cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển.

Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã phát hiện ra tồn tại, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật để kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, sửa đổi các quy định về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và pháp luật có liên quan, đảm bảo phù hợp thực tiễn, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về tài



nguyên, môi trường biển và hải đảo. Kết quả kiểm tra cũng cho thấy, công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo của các địa phương ngày càng được nâng cao. Sở NN&MT các địa phương đã tích cực tham mưu trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển, hải đảo; xây dựng, trình ban hành kế hoạch, chiến lược, kiện toàn bộ máy, tổ chức và đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, quá trình triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước luôn phát sinh khó khăn, vướng mắc cần được hướng dẫn, tháo gỡ. Một số nhiệm vụ còn chậm như lập hồ sơ quản lý hải đảo; rà soát đối tượng sử dụng tài nguyên biển nhưng chưa được giao khu vực biển theo quy định.

Cùng với đó là tình hình vi phạm hành chính và áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với các hoạt động liên quan đến sử dụng, khai thác tài nguyên biển và hải đảo. Cụ thể, quá trình kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo tại các địa phương cho thấy, tình hình vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển, hải đảo chủ yếu liên quan đến hành vi giao, sử dụng khu vực biển, BVMT biển.

Căn cứ Giấy phép nhận chìm ở biển được Bộ TN&MT cấp cho các tổ chức, doanh nghiệp, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thành lập tổ công tác thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm ở biển, nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo Giấy phép đã được cấp, tuân thủ quy định của pháp luật về BVMT biển và hải đảo cũng như quy định khác có liên quan, cụ thể: Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp BVMT, giám sát môi trường theo yêu cầu của Giấy phép nhận chìm ở biển, dự án nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật có liên quan; tạm dừng hoạt động nhận chìm ở biển trong trường hợp chủ dự án vi phạm nội dung Giấy phép nhận chìm ở biển, quyết định giao khu vực biển và quy định của pháp luật có liên quan; định kỳ hàng tháng báo cáo Bộ TN&MT kết quả hoạt động nhận chìm của Tổ công tác liên ngành.

Các hoạt động nhận chìm ở biển được đề xuất vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra của Bộ TN&MT hàng năm và được tiến hành thanh tra, kiểm tra theo quy định.

### **2.8. Công tác phối hợp trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo**

Kết quả thực hiện Quy chế phối hợp với các cơ quan/đơn vị trong công tác quản lý tài nguyên, BVMT biển và hải đảo như sau:

#### *a) Phối hợp với lực lượng Cảnh sát biển, Bộ Quốc phòng*

Ngày 10/12/2015, Bộ Quốc phòng và Bộ TN&MT đã ký kết Quy chế phối hợp số 11557/QC-BQP-BTNMT về việc thực hiện quản lý nhà nước trong

hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển và việc phối hợp hoạt động giữa lực lượng Cảnh sát biển với các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ TN&MT trên các vùng biển, thêm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Quy chế 11557).

Thực hiện Quy chế 11557, hai Bộ cơ bản thực hiện tốt công tác phối hợp theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; luôn thống nhất, đảm bảo đúng nguyên tắc, yêu cầu nghiệp vụ, bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan trong hoạt động quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Lãnh đạo Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Lãnh đạo Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam đã thống nhất quan điểm, cách thức tổ chức thực hiện sâu sát, chỉ đạo kịp thời cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc của hai bên chủ động phối hợp, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt mọi nội dung phối hợp, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch công tác của hai bên.

Mặt khác, hai bên đã phối hợp xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ chủ quyền biển, hải đảo; vấn đề quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo cũng được thường xuyên phối hợp thông qua việc cử cán bộ tham gia tổ soạn thảo, tổ biên tập xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật; phối hợp tổ chức các đoàn công tác, khảo sát, tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật về TN&MT biển, hải đảo. Ngoài ra, hai bên đã chủ động liên hệ, thống nhất nội dung, hình thức tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua các cuộc nói chuyện chuyên đề, mời tham gia tập huấn, hội thảo khoa học và nhiều hoạt động thiết thực khác.

#### *b) Phối hợp với lực lượng Cảnh sát môi trường, Bộ Công an*

Ngày 17/8/2011, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường đã ký kết Quy chế số 1199/QCPH-TCBHĐ-CSMT trong phối hợp phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường. Quá trình triển khai thực hiện Quy chế, hai bên cơ bản thực hiện tốt công tác phối hợp theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; luôn thống nhất, đảm bảo đúng nguyên tắc, yêu cầu nghiệp vụ, bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan trong hoạt động quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Đặc biệt, để tăng hiệu quả công tác phối hợp giữa hai bên, ngày 12/12/2019, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường tiếp tục ký kết Quy chế số 01/QCPH - TCBHĐ-CSMT đẩy mạnh phối hợp trong



công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, thay thế Quy chế số 1199/QCPH-TCBHĐ-CSMT.

Theo đó, công tác xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên, BVMT biển và hải đảo đã được hai bên thường xuyên phối hợp thông qua việc cử cán bộ tham gia tổ soạn thảo, tổ biên tập xây dựng dự thảo các văn bản. Hai bên cũng thiết lập đầu mối trao đổi thông tin: Đơn vị đầu mối của Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường là Phòng Phòng, chống tội phạm về môi trường trong lĩnh vực y tế, an toàn thực phẩm, dịch vụ du lịch (P6). Đơn vị đầu mối của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là Cục Kiểm soát tài nguyên và BVMT biển, hải đảo (nay là Phòng Kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo). Đồng thời, phối hợp tổ chức nhiều đoàn công tác khảo sát thực tế, nắm bắt tình hình chấp hành pháp luật về BVMT biển tại một số địa phương ven biển. Hàng năm, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam còn phối hợp với Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường tổ chức, cử cán bộ tham gia Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, hưởng ứng Ngày Đại dương thế giới... Đây là dịp để Việt Nam khẳng định tiềm lực lớn về kinh tế biển; thể hiện ý chí quyết tâm phát triển toàn diện ngành nghề biển, bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng biển, đảo bền vững.

### 3. KIẾN NGHỊ

Từ kết quả thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo; những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực tế... Cục Biển và Hải đảo Việt Nam đề xuất một số kiến nghị sau:

Đối với việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ÔNMT biển và hải đảo, phải có quy định cụ thể về nội dung cần đánh giá cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ; có quy định cụ thể cho hoạt động kiểm soát ÔNMT biển và hải đảo (Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ÔNMT biển, hải đảo; xây dựng kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo, kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển...); cần tăng cường nguồn lực cho các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ÔNMT biển và hải đảo.

Bên cạnh đó, để tránh trùng lặp với Báo cáo hiện trạng môi trường, cần có những quy định cụ thể hơn cho nội dung cũng như kỹ thuật lập báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia 5 năm/lần và báo cáo chuyên đề hàng năm. Mặt khác, cần xây dựng nguyên tắc, quan điểm về quản lý, bảo vệ

TN&MT, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, hạn chế ô nhiễm theo hướng phát triển bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng; hoàn thiện hệ thống luật pháp về giám sát, đánh giá rủi ro, ứng phó, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu, các chất độc hại trên biển. Ngoài ra, phải trang bị một hệ thống mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển hiện đại, đủ mạnh, tự động, liên tục 24/24 giờ, phủ gần khắp vùng biển ven bờ cũng như một số đảo của Việt Nam; đồng bộ dữ liệu về biển, hải đảo từ Trung ương đến địa phương để nhanh chóng, kịp thời phối hợp, quản lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên biển và ứng phó với các tình huống cần thiết...

Đối với thiết lập, quản lý hành lang bảo vệ bờ biển, cần rà soát, xem xét lại quy định của pháp luật để đảm bảo các đối tượng (hệ sinh thái, bãi triều, khu vực sinh kế của người dân...) nằm phía ngoài đường mép nước biển cao nhất trung bình trong nhiều năm cũng được bảo vệ, quản lý chặt chẽ. Đồng thời, phải kịp thời ban hành chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm trong phạm vi ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển; ban hành quy định riêng về chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo để đảm bảo tính răn đe, tính nghiêm minh của pháp luật trong lĩnh vực này; tăng cường nguồn kinh phí để mua sắm, đầu tư trang thiết bị và hoạt động tuần tra, kiểm soát, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm.

### 4. KẾT LUẬN

Công tác kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo đã được chú trọng triển khai trong nhiều năm qua trên khắp cả nước kể từ khi Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có hiệu lực. Việc thực hiện các quy định của Luật vừa góp phần định hướng khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên biển hợp lý, bền vững, vừa bảo vệ các hệ sinh thái quan trọng, nổi bật tại khu vực đất liền ven biển và vùng biển ven bờ của Việt Nam; kịp thời ngăn chặn hành vi có thể gây ảnh hưởng, suy thoái môi trường biển và hải đảo.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai cũng cho thấy nhiều bất cập và tồn tại trong việc kiểm soát các hoạt động sử dụng biển, BVMT biển tại các địa phương. Để kiểm soát, sử dụng bền vững, hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên biển và BVMT biển trước áp lực ngày càng lớn từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam cần nhanh chóng hoàn thiện thể chế; nâng cao nhận thức của mọi cá nhân, tổ chức đang sử dụng biển; tăng cường nguồn lực thiết yếu cho các cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm soát tài nguyên, BVMT biển và hải đảo ■